TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST –HNGĐ ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **K' H** – sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 84/11, tổ 1, ấp Phú Hợp A (ấp Phú Kiên cũ), xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Ngô Phạm D**– sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp Phú Dũng, xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 53/6, tổ 3, ấp Phú Kiên, Khu Lá Ủ, xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Dvắng mặt tại phiên tòa lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2019, bản tự khai ngày 18/02/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của nguyên đơn chị K' H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Phạm Dtự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2015. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh

Dkhông phụ giúp chị để lo cho cuộc sống gia đình và con cái, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đầu năm 2016 cho đến nay hai người không còn sống chung và không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Ngô Phạm D.

- Về nuôi con chung: Chị H trình bày có 01 (một) con chung tên là Ngô Thị Thanh H – sinh ngày 27/10/2015. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Dcấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H kê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2019 cho anh Dtheo quy định của pháp luật nhưng anh Dkhông có ý kiến trả lời. Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập anh Dđến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Dkhông chấp hành.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Dđã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung: Qua chứng cứ thu thập được thì chị H có đủ điều kiện nuôi con chung. Đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Ngô Phạm D cư trú tại ấp Phú Dũng, xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện P có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về tư cách đương sự: Chị K’ H khởi kiện ly hôn với anh Ngô Phạm Dnên chị là nguyên đơn, anh Dlà bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Dnên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn chị K’ H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Dđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử có đủ sơ sở xác định: Cuộc sống chung vợ chồng giữa anh Dvà chị H đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn nhưng cả hai người không đưa ra giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà tự chấm dứt cuộc sống chung. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Tuy nhiên, kể từ đầu năm 2016 đến nay, hai người không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau. Qua các biên bản xác minh tại địa phương đề ngày 05/3/2019 (bút lục 32, 33, 34 và 35) do anh Dkhông chịu làm ăn chăm lo cho gia đình, vì vậy thường hay cãi nhau, vợ chồng đã nói chuyện để hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã nhiều lần mời các bên đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng anh Dkhông chấp hành; điều đó thể hiện anh Dkhông có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Dvà chị H đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị, cho chị K’H được ly hôn với anh Dquy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Ngô Thị Thanh H – sinh ngày 27/10/2015. Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị K’H là người có đạo đức, nhân cách tốt. Từ khi hai người không còn sống chung thì chị là người chăm sóc con tốt, cháu bé phát triển bình thường. Để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu H và đảm bảo lợi ích về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét tiếp tục giao cháu H cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh Dcấp dưỡng nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D.

Anh Dcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung anh Dvà chị H có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K’H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Dkhông có văn bản trình bày ý kiến, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

Về án phí: Chị K’ H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, khoản 4, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K'H, cho chị K' H được ly hôn với anh Ngô Phạm D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thị Thanh H – sinh ngày 27/10/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D.

Anh Dcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh Dvà chị H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị K'H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Dkhông có văn bản trình bày ý kiến, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

4. Về án phí: Chị K' H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai số 006464 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P được chuyển thành án phí. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Ngô Phạm Dvà chị K' H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- Chi cục THA huyện P;
- Các đương sự (để thi hành);
-UBND xã B(Số 118/2015, Quyển số 01/2015 ngày 24/11/2015) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan